TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **50**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24/7/2023
V/v "Ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lấy

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Lam
2. Bà Nguyễn Thị Tây Nguyên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát Viên

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 31/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐST-HN, ngày 09/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐ-HPT ngày 05/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn 3, xã B, huyện P, tỉnh Bình Thuận

2. Bị đơn: ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1987
Địa chỉ: thôn 3, xã B, huyện P, tỉnh Bình Thuận
(có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gởi đến Tòa án ngày 06 tháng 02 năm 2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Bà và ông Nguyễn Bá T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P. Trong quá trình sống chung thì giữa bà và ông T sống không hạnh phúc thường xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông T không quan tâm gì đến vợ con và kinh tế gia đình, tiền ông T làm ra ông bỏ túi tiêu xài riêng không chu cấp cho vợ để trang trãi cuộc sống nên hai người đã xảy ra nhiều cãi nhau. Bà đã cố chịu đựng giữ hạnh phúc gia đình nhưng càng cố gắng thì càng xảy ra nhiều mâu thuẫn hơn, cho nên vào năm 2022 bà có làm xin ly hôn ông T gởi Tòa án giải quyết, ông T có biết bà làm đơn ly hôn ông nhưng ông T cố tình không đến,

rồi để xem ông có thay đổi tính hay không nhưng không thấy ông T thay đổi tính tình mà còn lừa gạt bà đủ thứ chuyện. Bà và ông T đã ly thân nhau gần 03 năm nay, gần đây có nghe ông T về nhưng bà không có gặp, bà nhận thấy bà không còn tình cảm gì với ông T nữa. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T

Về con chung: 01 đứa. Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/5/2019, hiện đang ở với bà, bà yêu cầu nuôi dưỡng, giáo dục con, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Bá T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu:

- Việc kiểm sát tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N. Bà Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với ông Nguyễn Bá T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/5/2019 cho bà N nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định địa chỉ của bị đơn ông Nguyễn Bá T đúng theo như địa chỉ của nguyên đơn cung cấp, tuy nhiên do ông T thường xuyên vắng nhà nên không thực hiện được việc tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T. Vì vậy Tòa đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Bá Phương được xác lập quan hệ vợ chồng là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có

đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống bà N xác nhận giữa bà và ông T sống không hạnh phúc thường xuyên cải nhau, ông T không quan tâm gì đến vợ con cũng như về kinh tế gia đình dẫn đến mâu thuẫn không tự giải quyết và đã ly thân nhau từ năm 2020 và trong năm 2020 bà đã làm đơn ly hôn ông T, ông T biết bà làm đơn ly hôn ông nhưng ông không đến, lần này bà tiếp tục làm đơn. Xét thấy, mặc dù Tòa không ghi được lời khai của ông T nhưng những gì bà N khai cũng đủ cơ sở xác nhận là tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T có mâu thuẫn nên đã có thời gian ly thân nhau một thời gian dài như vậy nên bà N mới làm đơn ly hôn đến lần hai, từ khi ly thân nhau ông T không liên lạc gì đến vợ con. Chứng tỏ, ông T đã vi phạm nghĩa vụ làm chồng làm cha, ông biết bà N làm đơn ly hôn ông nhưng ông cố tình không đến, ông không phản đối gì đến yêu cầu của bà N cho nên quyền lợi của ông không được pháp luật bảo vệ.

Từ những phân tích nhận định như trên có đủ cơ sở khẳng định cuộc sống chung giữa bà N và ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[3] Về con chung: Bà N yêu cầu nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét thấy, từ khi bà và ông T ly thân nhau thì bà N là người trực tiếp nuôi con, ông T bỏ mặc và không có trách nhiệm với con cái. Chứng tỏ, ông T đã vi phạm nghĩa vụ đối với con chung, tại phiên tòa bà N cam đoan sẽ lo cho đứa con có một cuộc sống đầy đủ về mọi mặt, vì vậy nên tiếp tục giao con cho bà N nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4]Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông T.

[5] Về tài sản và nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên xử:

Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh N đối với ông Nguyễn Bá T. Bà N được ly hôn với ông T

Về con chung: Giao cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/5/2019 đến khi trưởng thành.

Bà N không được ngăn cản ông T trong việc thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải nộp 3**00.000đ** (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Trừ vào số tiền bà N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012081 ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hánh án dân sự huyện P.

[3] Về kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/8/2023), đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA Huyện**;**
- UBND xã (thị trấn)
- Lưu HS.

Lý Văn Lấy